

Số: 06/2024/QĐCNHG-KDTM

Hải Hà, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Công ty TNHH T1 và Hợp tác xã D - H.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ngày 24/01/2024 và đơn khởi kiện sửa đổi ngày 20/5/2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” của Công ty TNHH T1.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: **CÔNG TY TNHH T1** (gọi tắt là Công ty T1)

Địa chỉ trụ sở: **Lô F, KCN L - B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Vương Võ K** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1991; nơi thường trú: **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An**; nơi tạm trú: **thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

(Theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ ngày 24/01/2024 của Công ty TNHH T1).

+ Người bị kiện: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP THÀNH ĐẠT - HẢI HÀ** (gọi tắt là Hợp tác xã D)

Địa chỉ trụ sở: **thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.**

Người đại diện theo pháp luật: bà **Vũ Thị H** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Sỹ V**, sinh năm: 1973; nơi thường trú: **KĐT V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;**

(Theo biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/7/2024 (V/v: Ủy quyền cho ông **Nguyễn Sỹ V** thay thế bà **Vũ Thị H** làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Hải Hà).

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả ngày 29 tháng 7 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2024, cụ thể như sau:

[1]. Tính đến ngày 29/7/2024, **Hợp tác xã D** có người đại diện theo pháp luật là bà **Vũ Thị H** còn phải thanh toán cho **Công ty T1** số nợ gốc là 518.139.780 đồng (*năm trăm mười tám triệu một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) và tiền lãi là 48.964.209 đồng.

[2]. Thời hạn và phương thức thanh toán:

[2.1]. Trường hợp trước ngày 30/8/2024, **Hợp tác xã D** thanh toán xong cho **Công ty T1** toàn bộ nợ gốc nêu tại mục [1], thì Công ty Growmax miễn toàn bộ tiền lãi cho **Hợp tác xã D**. (*Nếu thanh toán xong trước ngày 14/8/2024, **Hợp tác xã D** đề nghị được ghi nhận trong Quyết định tại Tòa án*).

[2.2]. Trường hợp **Hợp tác xã D** không thực hiện được trong thời hạn nêu tại mục [2.1] thì thực hiện như sau:

[2.2.1]. Đến hết ngày 15/12/2024, **Hợp tác xã D** phải thanh toán cho **Công ty T1** số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại được thanh toán ít nhất là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mỗi tháng vào ngày 15 hàng tháng, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nêu tại mục [1].

[2.2.2]. Phương thức thanh toán là chuyển khoản: **Hợp tác xã D** có trách nhiệm thanh toán theo thỏa thuận tại mục [2.2.1] vào tài khoản do **Công ty T1** cung cấp cụ thể tại mỗi lần thanh toán.

[2.2.3]. Về lãi và lãi suất: **Hợp tác xã D** phải trả lãi cho **Công ty T1** trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày 15/12/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nêu tại mục [1].

Nếu **Hợp tác xã D** vi phạm nghĩa vụ thanh toán bất cứ kỳ thanh toán nào đã thỏa thuận tại mục [2.2.1] nêu trên, toàn bộ số nợ chưa đến hạn thanh toán sẽ chuyển thành đến hạn thanh toán, **Công ty T1** có quyền yêu cầu **Hợp tác xã D** phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Hợp tác xã D** đã thanh toán xong cho **Công ty T1** trong ngày 12 và 13/8/2024.

[3]. Chi phí hòa giải tại Tòa án:

**Công ty T1** tự nguyện chịu chi phí hòa giải tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch tại Tòa án là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) không yêu cầu **Hợp tác xã D** cùng chịu. **Công ty T1** đã nộp đủ chi phí hòa giải.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Thu Hà**